TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 01/10/2018
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH – TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hồng Phượng.
2. Ông Nguyễn Thanh Danh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Hồng Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 672/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Đức Q, sinh năm 1988. (vắng mặt)

Trú tại: Khu 10, thôn Y, xã Y, huyện Yên Lạc, Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1992. (có mặt)

Trú tại: 28, tổ 3, ấp 8, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản sau khi ly hôn ngày 2/7/2018, bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 30/7/2018 nguyên đơn anh Trần Đức Q và chị Nguyễn Hồng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh chị tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc đến tháng 11/2016 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2016 đến nay, chị N sống cùng bố mẹ ruột ở xã B anh Q về Vĩnh Phúc sống

với bố mẹ ruột. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn sống không có hạnh phúc là do bất đồng quan điểm sống anh Q không quan tâm đến gia đình, vợ con.

Từ khi ly thân đến nay vợ chồng cũng không gặp nhau để bàn bạc đoàn tụ. Anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thanh T, sinh ngày 9/11/2016. Cả hai thỏa thuận chị N nuôi dưỡng cháu Trà, anh Q cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung không có.

Sau khi hòa giải, ngày 03/8/2018 anh Q có đơn đề nghị thay đổi mức cấp dưỡng do anh không có công việc ổn định, thu nhập hàng tháng thấp ngoài ra anh còn phải cấp dưỡng cha mẹ già không có thu nhập nên anh không đủ khả năng cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng mà đề nghị cấp dưỡng 500.000 đồng/tháng.

Ngày 07/8/2018, anh Q có đơn đề nghị mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 850.000 đồng/tháng.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 18/8/2018, anh Q đề nghị được nuôi dưỡng cháu Trà sau khi ly hôn, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị N nuôi con anh cấp dưỡng mức 850.000 đồng/tháng.

Ngày 04/9/2018 anh Q có đơn yêu cầu tiếp tục giải quyết ly hôn, ngày 6/9/2018 anh Q có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt có yêu cầu được nuôi con chung.

Tại bản tự khai ngày 07/9/2018 và lời khai tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Hồng N trình bày:

Chị xác định vợ chồng chung sống không có hạnh phúc đã tự sống ly thân nhau từ tháng 11/2016 đến nay, chị đã cố gắng bàn bạc đoàn tụ nhưng không có kết quả, hiện tình cảm vợ chồng không còn mỗi người đều có cuộc sống riêng nên đề nghị Tòa không tiến hành hòa giải đoàn tụ mà giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Về con chung: chị đề nghị nuôi dưỡng cháu T vì từ khi sinh đến nay chị là người trực tiếp nuôi con, anh Q không thăm nom hay cấp dưỡng nuôi con nên không đồng ý giao cháu T cho anh Q nuôi dưỡng. Chị yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng như đã thỏa thuận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

- Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng theo điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự theo các Điều 222 đến 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định các Điều 70, 71, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn anh Trần Đức Q, xử cho anh Q được ly hôn chị N. Về con chung: giao cháu Trần Thanh T, sinh ngày 9/11/2016 cho chị N nuôi dưỡng sau khi ly hôn, anh Q cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung không xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Về tư cách tham gia tố tụng: Ngày 16/7/2018, Tòa án thụ lý yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Đức Q và chị Nguyễn Hồng N (số 520/2018/TLST-HNGĐ). Ngày 30/7/2018 Tòa án lập biên bản hòa giải đoàn đụ không thành và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi và cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên đến ngày 6/8/2018 anh Q có đơn đề nghị thay đổi mức cấp dưỡng và làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ngày 20/8/2018 thì chị N có đơn yêu cầu rút đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nên Tòa án căn cứ khoản 5 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự ra quyết định đình chỉ giải quyết việc dân sự số 164/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2018 và thụ lý lại vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con số 672/2018/TLST-HNGĐ ngày 7/9/2018 nguyên đơn là anh Trần Đức Q và bị đơn là chị Nguyễn Hồng N.

[2]. Anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Q.

Về đường lối giải quyết vụ án:

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Q và chị N tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (số 70/2015 quyển số Q1/2015 ngày 07-9-2015) nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy từ tháng 12/2016 đến nay anh Q và chị N đã tự sống ly thân không quan tâm đến nhau cũng không bàn bạc đoàn tụ chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, anh Q có đơn yêu cầu tiếp tục giải quyết ly hôn chị N cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Q, xử cho anh Q được ly hôn chị N.

[4].Về con chung: Có 01 cháu Trần Thanh T, sinh ngày 9/11/2016. Anh Q và chị N có yêu cầu được nuôi con sau khi ly hôn.

Xét thấy, từ khi sinh con đến nay chị N là người trực tiếp nuôi con, cháu Trà được chị N nuôi dưỡng tốt, hiện cháu Trà còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên cần căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam giao cháu T cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị N nuôi con đề nghị anh Q cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng, anh Q đồng ý sau đó thay đổi đề nghị cấp dưỡng 500.000 đồng/tháng do không có nghề nghiệp ổn định phải nuôi dưỡng cha mẹ già.

Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị N là chính đáng, anh Q không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào nhu cầu thiết yếu cho sinh hoạt hàng ngày của trẻ và giá cả thị trường hiện nay so với mức thu nhập không ổn định hiện nay của anh Q cần buộc anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng là phù hợp với Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình Việt Nam.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

[6] Về án phí: Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Q phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (300.000 đồng về việc ly hôn và 300.000 đồng về cấp dưỡng nuôi con). Sung vào công quỹ nhà nước số tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự 150.000 đồng chị N đã nộp.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 8, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn anh Trần Đức Q xử cho anh Trần Đức Q được ly hôn chị Nguyễn Hồng N.

- Về con chung: Giao cháu Trần Thanh T, sinh ngày 9/11/2016 cho chị chị Nguyễn Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Trần Đức Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

Sau khi ly hôn, anh Trần Đức Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; nợ chung: không xét.

2. Về án phí:

Anh Trần Đức Q phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 150.000 đồng theo biên lai thu số 002497 ngày 12/7/2018 của Chi cục thi hành án huyện Long Thành. Anh Q phải nộp thêm số tiền 450.000 đồng án phí.

Sung vào công quỹ nhà nước số tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm 150.000 đồng chị Nguyễn Hồng N đã nộp theo biên lai số 002497 ngày 12/7/2018 của Chi cục thi hành án huyện Long Thành.

3. Anh Trần Đức Q được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Chị Nguyễn Hồng N được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận :
- CCTHADS H. Long Thành;
- VKSND H. Long Thành;
- UBND X. Bình Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phụng